|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN****THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |
| Số: /NQ-HĐND | *Đà Nẵng, ngày tháng năm 2023* |

## NGHỊ QUYẾT

**Về** **số lượng cán bộ phường, biên chế công chức phường,**

**cán bộ, công chức xã và người hoạt động không chuyên trách phường, xã**

**trên địa bàn thành phố Đà Nẵng năm 2024**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**KHÓA X, KỲ HỌP THỨ …**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội;*

*Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;*

*Thực hiện Công văn số 3476-CV/BTCTU ngày 01/12/2023 của Ban Tổ chức Thành ủy về kế hoạch sử dụng biên chế công chức và người làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập của thành phố năm 2024;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về số lượng cán bộ phường, biên chế công chức phường, cán bộ, công chức xã và người hoạt động không chuyên trách phường, xã trên địa bàn thành phố Đà Nẵng năm 2024; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua số lượng cán bộ phường, biên chế công chức phường, cán bộ, công chức xã và người hoạt động không chuyên trách phường, xã năm 2024 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, cụ thể như sau:

1. Số lượng cán bộ tại các phường: 301 cán bộ.

2. Số lượng biên chế công chức tại các phường: 675 biên chế công chức.

3. Số lượng cán bộ, công chức tại các xã: 242 cán bộ, công chức.

4. Số lượng người hoạt động không chuyên trách tại các phường, xã: 768 người hoạt động không chuyên trách.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này, cụ thể:

a) Thực hiện phân bổ số lượng cán bộ phường, biên chế công chức phường, cán bộ, công chức xã và người hoạt động không chuyên trách phường, xã đối với từng quận, huyện tương ứng.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc tuyển dụng, bố trí, quản lý cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách phường, xã trên toàn địa bàn thành phố theo quy định;

2. Giao Ủy ban nhân dân các quận, huyện quyết định số lượng cụ thể cán bộ phường, biên chế công chức phường, cán bộ, công chức xã, người hoạt động không chuyên trách phường, xã ở từng phường, xã và bố trí số lượng công chức của từng chức danh công chức phường, xã thuộc phạm vi quản lý cho phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của từng phường, xã

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa X, Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2024./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ban Tổ chức Trung ương;- Bộ Nội vụ; - BTV Thành ủy, các cơ quan tham mưu giúp việc của Thành ủy;- Đại biểu HĐND thành phố; Đoàn ĐBQH thành phố;- UBND, UBMTTQ thành phố;- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố; - Văn phòng UBND thành phố;- Các sở, ngành, đoàn thể thành phố;- Quận, huyện ủy; HĐND, UBND, UBMTTQVN các quận, huyện; HĐND, UBND phường, xã;- Báo ĐN, Báo CATP ĐN, Đài PTTH ĐN, Trung tâm THVN (VTV8), Cổng TTĐT thành phố;- Lưu: VT, TH. |  **CHỦ TỊCH****Lương Nguyễn Minh Triết** |
|  |  |

**Phụ lục**

**SỐ LƯỢNG CÁN BỘ PHƯỜNG, BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC PHƯỜNG, CÁN BỘ, CÔNG CHỨC XÃ VÀ NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH PHƯỜNG, XÃ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG NĂM 2024**

*(kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2023 của HĐND thành phố Đà Nẵng)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Têm đơn vị hành chính** | **Số lượng cán bộ phường, biên chế công chức phường, cán bộ, công chức xã** | **Số lượng người hoạt động không chuyên trách phường, xã** |
| Cán bộ phường | Biên chế công chức phường | Cán bộ, công chức xã | **Tổng số** |
| **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG** | **301** | **675** | **242** | **1.218** | **768** |
| 1 | Quận Hải Châu | 82 | 195 |  | **277** | **172** |
| 2 | Quận Thanh Khê | 65 | 150 |  | **215** | **138** |
| 3 | Quận Sơn Trà | 49 | 105 |  | **154** | **96** |
| 4 | Quận Ngũ Hành Sơn | 28 | 60 |  | **88** | **56** |
| 5 | Quận Liên Chiểu | 35 | 75 |  | **110** | **70** |
| 6 | Quận Cẩm Lệ | 42 | 90 |  | **132** | **82** |
| 7 | Huyện Hòa Vang |  |  | 242 | **242** | **154** |